

Thành phần khởi ngữ trong câu tiếng Việt xét về mặt hệ thống

Nguyễn Lân Trung*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 7 năm 2009

Tóm tắt. Cú pháp tiếng Việt là một phần rất quan trọng của Việt ngữ học. Đây là một vấn đề thú vị nhưng cũng hết sức phức tạp, trong đó những nghiên cứu về “thành phần câu tiếng Việt” chiếm một vị trí trọng yếu.

Bài viết đề cập tới thành phần “Khởi ngữ” trong câu tiếng Việt, một thành phần theo tác giả, có những đặc điểm rất riêng, rất đặc thù cho ngôn ngữ của chúng ta. Tác giả mới chỉ xem xét thành phần này trong hệ thống, với các vấn đề từ khái niệm khách thể “khởi ngữ”, quan niệm bên trong và bên ngoài, đến các tiêu chí phân loại khởi ngữ, mối quan hệ của khởi ngữ với trong cấu trúc cú pháp câu, và hện sẽ nghiên cứu vấn đề này từ góc độ chức năng, có nghĩa là hoạt động của nó trong lời nói vào một dịp khác sau này.

1. Nhận xét chung

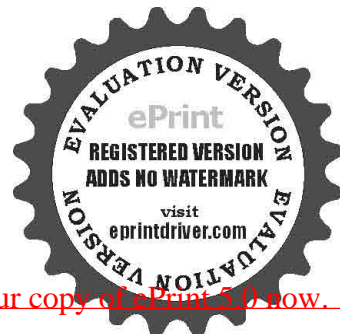
Vấn đề khởi ngữ đã được bàn đến từ khá lâu trong ngữ pháp tiếng Việt. Nhưng phải nói rằng cho đến nay, vấn đề này vẫn chưa được giải quyết một cách thấu đáo, thoả đáng. Còn quá nhiều bất đồng trong những giải thuyết của các nhà Việt ngữ học. Trong khi đó, theo chúng tôi đây là một trong những đặc trưng hết sức lý thú của tiếng Việt.

Trước hết là vấn đề thuật ngữ. Nguyễn Kim Thản [1] đã sớm sử dụng thuật ngữ “*Khởi ngữ*” (Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt - tr.561-564). Diệp Quang Ban (Ngữ pháp tiếng Việt, tập II - tr.169-171) [2] và các tác giả sách giáo khoa tiếng Việt 7 (tập I, tr.59-61) sử dụng thuật ngữ “*Đề ngữ*”. Hoàng Trọng Phiến (Ngữ pháp tiếng

Việt - Câu - tr.151-152) [3] sử dụng thuật ngữ “*Thành phần khởi ý*” trong khi Nguyễn Hữu Quỳnh (Ngữ pháp tiếng Việt - tr.225) thu gọn lại thành thuật ngữ “*Khởi ý*”. Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê (Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam - tr.530) sử dụng thuật ngữ “*Chủ đề*”, còn Nguyễn Tài Cẩn (Ngữ pháp tiếng Việt - tr.180) và các cộng sự của ông chấp nhận một thuật ngữ ghép “*Từ - Chủ đề*”. Tuy cách gọi có khác nhau, nhưng đọc kỹ, chúng ta nhận thấy các thuật ngữ đó đều chỉ cùng một thành phần của câu, tuy nội hàm không phải lúc nào cũng trùng khớp nhau. Về các thuật ngữ trên, chúng tôi cho rằng các thuật ngữ “*Khởi ngữ*” và “*Đề ngữ*” phù hợp hơn cả với quan niệm của chúng tôi. Trong sơ đồ “thành phần câu tiếng Việt” theo quan niệm của chúng tôi, tất cả 9 thành phần câu đều mang thuật ngữ “*NGỮ*” để chỉ mỗi thành phần đó đều đảm nhiệm một chức năng cú pháp trong cấu trúc câu.

* ĐT: 84-4-903407183.

E-mail: nnlly@yahoo.com



Vì tính nhất quán trong quan niệm và trong thuật ngữ của mình, chúng tôi nghiêng về các thuật ngữ sử dụng từ “ngữ” để chỉ một thành phần câu. Trong hai thuật ngữ “*khởi ngữ*” và “*đề ngữ*”, chúng tôi nghiêng về thuật ngữ “*khởi ngữ*” hơn vì cho rằng “*đề*” trong “*đề ngữ*” có thể gợi ra một sự nhầm lẫn với “*đề*” trong “*đề ngữ*” thuộc lý thuyết về “*đề - thuyết*”, là một bình diện nghiên cứu khác. Với tất cả các lý do trên, chúng tôi đã chọn thuật ngữ “*khởi ngữ*” trong hệ thống phân tích của mình.

Nhìn vào các thành phần câu, chúng ta nhận thấy các “thành phần phụ” là “*khởi ngữ*” và “*phụ ngữ*”, và các “thành phần biệt lập” là “*kết ngữ*” và “*tình thái ngữ*” là các thành phần đặc biệt, rất đặc trưng về cấu tạo cũng như ý nghĩa của tiếng Việt. Theo quan niệm của chúng tôi, “*khởi ngữ*” nằm trong “*thành phần phụ*”, không thuộc “*nòng cốt câu*”, nhưng cũng như “*trạng ngữ*” và “*phụ ngữ*”, nó có mối quan hệ cú pháp và ngữ nghĩa mật thiết với các yếu tố của “*nòng cốt câu*”. Mặt khác, “*khởi ngữ*” là yếu tố thường rất gắn với diễn ngôn nên nó có thể được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng trước hết là bình diện cấu trúc cú pháp, có nghĩa là trước hết phải được xem xét trong hệ thống.

Trong một câu tiếng Việt (và có thể tiếng khác) bình thường (hiểu theo nghĩa trật tự thông thường của tư duy mà ngôn ngữ phản ánh), chúng ta có trật tự “*chủ ngữ*” (thường có chức năng “*đề*”, “*chủ đề*”) nêu sự vật, hiện tượng, sau đó có “*vị ngữ*” (thường có chức năng “*thuyết*”, “*thuật đề*”) nêu những đặc tính, miêu tả chủ ngữ, và cuối cùng là “*trạng ngữ*”, nêu khung cảnh chung diễn ra mối quan hệ chủ - vị.

Tất nhiên, bất kỳ một bộ phận nào hoặc nhiều bộ phận cùng một lúc trong các cấu trúc trên đều có thể vắng mặt, khi đó chúng ta có các dạng câu đặc biệt, câu tỉnh lược, là những dạng câu rất phổ biến trong tiếng Việt.

Khi một bộ phận nào đó của câu hoặc của một thành phần câu được đặt lên đầu câu so với trật tự câu bình thường (có thể được lặp lại ở phần sau hay không) thì bộ phận đó có khả năng xem xét để trở thành *khởi ngữ*. Lý do của sự chuyển chỗ đó theo chúng tôi là để **nhấn**

mạnh bộ phận được đưa lên đầu câu. Có nhiều tác giả cho rằng ý nghĩa chính của sự hoán vị này là “*nêu chủ đề của sự tình*”. Chúng tôi không phản đối ý kiến này, nhưng vẫn cho rằng ý nghĩa nhấn mạnh một bộ phận nào đó của câu là chính, mà với sự nhấn mạnh đó nếu có thể được coi là “*nêu chủ đề của sự tình*” thì cũng không có gì là sai, nhưng ngược lại cho rằng tất cả những sự chuyển đổi đó đều là “*nêu sự tình*” thì e rằng không chính xác. Trong sử dụng ngôn ngữ, thủ pháp này (sử dụng “*khởi ngữ*”) được coi là rất phổ biến.

- Còn **chị**, chị công tác ở đây à? (Nguyễn Đình Thi)

- **Giàu**, tôi cũng giàu rồi. **Sang**, tôi cũng sang rồi. (Nguyễn Công Hoan)

- **Cô Toàn**, tôi gặp một lần ở Yên Bái. (Nguyễn Đình Thi)

- **Nhà**, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. (Nguyễn Công Hoan)

- **Năm năm**, tôi vẫn đợi hân. (Nguyễn Lân)

Bên cạnh các ví dụ trên, chúng tôi nhận thấy còn có khi xuất hiện một thành phần nào đó không nằm trong cấu trúc khởi thủy (structure primaire) của câu mà được đặt ở đầu câu thì thành phần đó cũng có thể được xem xét để trở thành thành phần “*khởi ngữ*”. Lý do của sự xuất hiện này, quan niệm của chúng tôi là nghiêng về ý nghĩa **nêu chủ đề của sự tình**. Về cấu trúc cú pháp mà nói, khác với trường hợp đầu tiên ở đó bộ phận khởi ngữ có thể được xác định tiềm tàng khả năng đảm trách một chức năng cú pháp của một yếu tố cụ thể nào đó trong câu đi sau, ở trường hợp thứ hai này bộ phận khởi ngữ không có mối liên hệ cụ thể với yếu tố nào trong câu đi sau mà xét về chức năng cú pháp, nó có thể gia nhập một kết cấu làm bổ ngữ hay trạng ngữ của câu.

Ví dụ:

- **Cái ấy** thì xin tùy hai ông cả. (Nam Cao)

- **Nghị lại**, người ta sợ cái uy của đồng tiền. (Nguyễn Công Hoan)

- **Khóc**, không phải vì hèn yếu, không buồn bã, mà vì xúc động. (Nguyễn Văn



- **Học** thanh niên cũng phải làm đầu tàu.
(Hồ Chí Minh)

Như vậy, bộ phận khởi ngữ mang hai ý nghĩa, ý nghĩa **nhấn mạnh** và ý nghĩa **nêu chủ đề của sự tình**. Nếu nó có thể xác định để đảm trách một chức năng cú pháp nào đó trong câu đi sau thì nó mang ý nghĩa "nhấn mạnh" là chủ yếu, ý nghĩa "nêu chủ đề của sự tình" là thứ yếu, ngược lại nếu bộ phận này không thể xác định để đảm trách một chức năng cú pháp cụ thể nào trong câu đi sau mà chỉ tiềm tàng khả năng tham gia một kết cấu làm bổ ngữ hay trạng ngữ câu thì nó mang ý nghĩa "nêu chủ đề của sự tình" là chủ yếu, ý nghĩa "nhấn mạnh" là thứ yếu. Cần lưu ý việc phân định này không phải bao giờ cũng thật rạch ròi, nhưng sự kết hợp giữa phân tích cú pháp và phân tích ngữ nghĩa ngữ dụng có thể giúp chúng ta có lời giải đáp tương đối thỏa đáng.

Mặt khác, ở đây chúng ta mới chỉ coi cấu trúc câu như là một "đơn vị ngôn ngữ", có nghĩa là xét về mặt hình thái - cú pháp, xét trong hệ thống. Thành tựu nghiên cứu ngôn ngữ học ngày nay không chỉ dừng lại ở quan điểm phân tích được coi là "truyền thống" ấy, mà trong các lý thuyết mới hơn (chẳng hạn "Lý thuyết chức năng hệ thống" của M.A.K. Halliday với các dạng thức chức năng khác biệt trong cấu trúc câu, các đối lập đề/thuyết, chủ ngữ/vị ngữ, hành thể/dịch thể, hay "Lý thuyết ba phương diện" của C. Hagège đối lập các bình diện tình thái, cú pháp với bình diện ngữ nghĩa quy chiếu và bình diện phát ngôn tôn ti ..., cấu trúc câu được xem xét dưới góc độ "một thông điệp", "một phát ngôn", được thực hiện bên ngoài hệ thống với các yếu tố ngữ dụng của diễn ngôn, thì bộ phận khởi ngữ, về cơ bản luôn đứng đầu câu để biểu thị và nhấn mạnh chủ đề, sẽ dễ dàng được nhận diện như là thành tố "đề" trong cấu trúc "đề - thuyết". Dù được xem xét dưới góc độ là thành phần của cấu trúc câu như là một "đơn vị ngôn ngữ" hay dưới góc độ là thành tố của cấu trúc câu như là một "thông điệp", thì điều quan trọng trước hết vẫn là xác định bản chất ngữ pháp và chức năng ngữ pháp của thành phần này như một thành tố cấu tạo

lên cấu trúc câu, trước khi xem xét chúng hiện diện và hoạt động như thế nào trong diễn ngôn.

2. Phân loại Khởi ngữ

Xem xét bộ phận khởi ngữ như là một thành phần của cấu trúc câu (một đơn vị ngôn ngữ trong hệ thống), vấn đề cần quan tâm giải quyết trước hết là quan điểm và cách thức phân loại khởi ngữ. Các công trình ngữ pháp cho đến nay hoặc không đặt ra vấn đề phân loại khởi ngữ, hoặc đề cập tới một cách quá sơ lược, thậm chí sơ sài. Nguyễn Văn Hiệp [4] là tác giả đề cập đến vấn đề khởi ngữ vào loại sâu sắc và dày dặn nhất, có quan điểm phân loại dựa theo đặc điểm cấu tạo, nghĩa biểu hiện và theo tầng bậc (chính và thứ). Nguyễn Kim Thân khi phân loại khởi ngữ đặt vấn đề khởi ngữ trùng với chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ hoặc không trùng hẳn với thành phần nào đó trong câu hay "trong từ tổ". Chúng tôi cho rằng việc tồn tại của các loại khởi ngữ xét về bản chất ngữ pháp, chức năng ngữ pháp và mối quan hệ giữa biểu thức thể hiện với sở biểu và sở chỉ là không đơn giản, ngược lại rất phong phú đa dạng. Có thể có nhiều cách phân loại, xuất phát từ những quan niệm cơ sở khác nhau, chúng tôi thì chủ trương phân loại khởi ngữ xét trên hai bình diện cấu trúc và ngữ nghĩa. Trong mỗi bình diện, chúng tôi sẽ đi sâu phân loại theo những hệ tiêu chí nhỏ hơn. Cũng cần lưu ý rằng không phải lúc nào hai bình diện này cũng rạch ròi, đối lập, mà trên thực tế các yếu tố ngữ nghĩa cũng góp phần không nhỏ lý giải cách phân loại khởi ngữ xét về mặt cấu trúc và ngược lại. Nói một cách khác, hai cách tiếp cận luôn hỗ trợ đắc lực cho nhau.

2.1. Khởi ngữ không có khả năng đảm trách một chức năng cú pháp cụ thể trong câu đi sau

Đây là loại khởi ngữ nêu sự tình chung, về cơ bản không có quan hệ trực tiếp với một thành tố nào của câu đi sau.

Về đặc điểm cấu tạo ngữ pháp (bản chất ngữ pháp từ loại), phần lớn các khởi ngữ đều là các danh ngữ và động ngữ với



là các thể từ và ngữ thể từ hay vị từ và ngữ vị từ. Trong ngữ liệu do chúng tôi thu thập từ các mẫu có mặt khởi ngữ, có khoảng 15% mẫu với khởi ngữ thuộc loại này, trong đó có:

+ Khoảng 8% mẫu khởi ngữ là thể từ hay ngữ thể từ

Ví dụ:

- **Tiếng "vợ chồng"**, thấy ngường ngượng mà thỉnh thích.

- **Đã đành** quà cho nó, chỉ một đồng chinh là đủ.

- **Chuyện cô với tôi**, đúng như ông Lưu đã viết.

- **Còn khách sơ sơ** thì cũng thuốc lá, bánh kẹo, cà phê.

- **Công việc nhà nước** biết thế nào là tốt, xấu.

- **Còn việc tạ chỗ này chỗ khác**, ông nói miệng với người ta là đủ.

- **Non sông và phong tục**, mỗi nơi mỗi lạ, mỗi bước dờn chân mỗi bước tuyệt vời.

+ Khoảng 7% mẫu khởi ngữ là vị từ hay ngữ vị từ

Ví dụ:

- **Đi**, con cũng chả được mấy, mà ở nhà thì thầy cũng đem về cho con.

- **Đọc thư** niềm vui chen lẫn với nỗi buồn.

- **Trốn** thì đêm hôm cửa nhà để cho ai.

- **Học** chẳng có gì là lợi nhưng hay thuộc bài.

- **Mệt** thì nằm lăn ra bãi cỏ mà ngủ.

- **Còn đi mời quan viên**, thì mình là người dưới đi mời người trên một tiếng, không đáng à?

- **Hiếu người Việt Nam và thương người Việt Nam như bà**, có lẽ chẳng ai như thế đâu.

Hai khởi ngữ còn lại là những trạng ngữ.

Xét về đặc điểm cấu tạo của các thể từ và vị từ làm trung tâm cấu tạo lên khởi ngữ nêu sự tình, chúng ta có thể nhận thấy:

+ Các thể từ được chia làm 4 loại

- Các thể từ bình thường (bản chất)

- Các đại từ như "cái đó", "cái này", "điều đó" ...

- Các loại từ khác được danh hóa bằng từ "sự"

- Các mệnh đề được "danh hóa" bằng "việc", "sự việc".

Ví dụ:

- **Năm trăm bạc**, nguyên một bữa rượu.

- **Cái đó** xin cụ thông cảm, có thể do thói quen mà hóa sơ suất.

- **Còn cái sự ăn** thì bà cũng không dám nói chắc rằng đối hay no.

- **Việc anh ta muốn chạy chỗ này chỗ khác**, thôi thì tùy ông định liệu.

+ Các vị từ được chia làm 3 loại

- Các động từ

- Các tính từ

- Các mệnh đề tình lược chủ ngữ

Ví dụ:

- **Đói** ngày giỗ cha, **no** ba hôm tết.

- Dừa tơ bẹ dúm tốt tàng

Giàu sang có chỗ, **điểm đàng** có nơi.

- **Làm cuộc cách mạng này**, đâu phải ngày một ngày hai.

- **Đi vào cuộc chiến đấu**, mà sao chúng tôi thấy yên trí một cách kỳ quái.

Về các yếu tố đi kèm khởi ngữ cần lưu ý sự có mặt của dấu câu. Các dấu phẩy ngăn cách khởi ngữ và phần sau của khởi ngữ chiếm một vị trí hết sức quan trọng. Trong số 35 mẫu với khởi ngữ nêu sự tình mà chúng tôi khảo sát, có đến 14/35 trường hợp khởi ngữ được ngăn cách với phần đi sau bởi dấu phẩy. Trong các trường hợp còn lại có tới 7/35 trường hợp khởi ngữ được đi kèm tình thái từ "thì" ở phía sau. Trong 14/35 trường hợp còn lại (không có sự ngăn cách bởi dấu phẩy hay tình thái từ "thì"), tục ngữ ca dao chiếm tới 10 trường hợp. Có thể hiểu rằng trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao, người ta có thể lược bỏ dấu phẩy. Bốn trường hợp còn lại, xem xét kỹ thấy đều có dấu phẩy vào được.



Ví dụ:

- **Mấy cái mụn** việc gì phải thuốc.
- **Đá ong đôi sậy** thường chỉ đào được sáu lớp thì hết một vĩa.

Cũng đối với riêng tục ngữ, ca dao, **nhịp điệu "song đối"** trong cấu trúc câu chiếm một vị trí quan trọng. Có các trường hợp sau:

- + "*Song đối*" hai vế của câu:
- **Cửa làm** ăn no, **cửa cho** ăn thềm.
- **Đói** ăn vụng, **túng** làm càn.
- Người ta hữu tử hữu sanh.
- Sống** lo xứng phận, **thác** dành tiếng thơm.
- + "*Song đối*" hai vế của hai câu liền nhau
- **Người** sao một hện thì nên
- Tôi** sao chín hện thì quên cả mười.
- **Giàu** ba mươi tuổi chớ mừng
- Khó** ba mươi tuổi con đừng vội lo.
- **Ăn quả** nhớ kẻ trồng cây
- Ăn gạo** nhớ kẻ đâm xay dần sàng.

Xét về mặt chức năng ngữ nghĩa, chúng ta thấy khởi ngữ ở đây có quan hệ ý nghĩa với toàn bộ câu nói chung, sở chỉ hoặc sở biểu của khởi ngữ có tác dụng hạn định hiệu lực, giá trị chân xác của sự tình biểu thị trong câu nói. Nói một cách khác, tuy sở chỉ và sở biểu của khởi ngữ so với bất kỳ một bộ phận nào đó trong câu khởi thủy là không trùng nhau nhưng tác dụng hạn định và tương liên ngữ nghĩa là khá rõ nét, nhờ đó phần khởi ngữ thực hiện được nhiệm vụ nêu lên chủ đề của sự tình. Có lẽ chính vì ý nghĩa đó nên Nguyễn Tài Cẩn đã gọi bộ phận khởi ngữ là Từ - Chủ đề. Việc nêu chủ đề của sự tình nói chung nhiều khi được thực hiện một cách tường minh bằng việc sử dụng các kết từ như "về", "về việc", "đối với", ... để mở đầu phần khởi ngữ. Với các kết từ này, khởi ngữ đã có tác dụng khu trú, xác định một khu vực sự tình nào đó, ở đó xảy ra chuyện gì hoặc sẽ xảy ra chuyện gì. Trong tình huống giao tiếp cụ thể, được hỗ trợ bởi khung cảnh và các điều kiện giao tiếp khác, các kết từ tạo dẫn này có thể được lược bỏ.

Ví dụ:

- Đối với **những vấn đề ấy**, ta nên xem xét thêm sau này.

- **Những vấn đề ấy**, ta nên xem xét thêm sau này.

Ngược lại trong rất nhiều trường hợp, ta có thể thêm các kết từ này vào, ý nghĩa nêu sự tình của bộ phận khởi ngữ chỉ càng rõ thêm.

Ví dụ:

- (Về việc) **học**, chẳng có gì là lanh lợi, nhưng hay thuộc bài.

- (Đối với) **cái nghề làm việc quan**, nếu nhất nhất cũng đề đầu cười cổ thì lại bán nhà cho sớm.

Phần khởi ngữ cũng có thể được thêm vào một kết từ (hoặc quan hệ từ) để nhấn mạnh ý nghĩa, khi đó khởi ngữ sẽ trở thành một mệnh đề phụ trạng ngữ (chỉ thời gian, điều kiện ...)

Ví dụ:

- Trốn thì đêm hôm cửa nhà để cho ai.

- - **Nếu** (tôi) trốn thì đêm hôm cửa nhà để cho ai.

- **Đói** ăn vụng, **túng** làm liều.

- - **Khi** đói ăn vụng, **khi** túng làm liều.

Khi sự tình đã được đề cập trước đó và đã có trong nhận thức của các thành viên tham gia giao tiếp, ý nghĩa khu vực có thể biểu đạt bởi khởi ngữ với các đại từ hồi chỉ như "việc ấy", "cái này", "cái đó", "điều đó", ...

Ví dụ:

- **Cái đó** xin cụ thông cảm, có thể do thói quen mà hóa sơ suất.

- **Việc ấy** tôi xin tùy hai ông cả.

Đi sâu vào phân tích một số ví dụ cụ thể. Ta có thể nhận thấy cách sử dụng rất đa dạng, phong phú của bộ phận khởi ngữ nêu sự tình chung.

Ví dụ 1:

- **Tiếng vợ chồng**, thấy ngưỡng ngưỡng mà thỉnh thích.

Ở đây, nếu logic hơn phải thay "thấy" bằng động từ "nghe" ("nghe thấ



như vậy bộ phận khởi ngữ không còn thuộc loại nêu sự tình chung nữa mà thuộc loại có khả năng đảm trách một chức năng cú pháp cụ thể trong câu (bổ ngữ của động từ nghe). Khi sử dụng động từ "thấy", khởi ngữ lập tức trở thành "nêu sự tình chung" với ý nghĩa "khi **nghe** nói đến tiếng vợ chồng, người ta **cảm thấy** ngưỡng ngưỡng mà thính thích". Vì vậy cách dùng động từ "thấy" ở đây là độc đáo, mặc dù trước đó có danh ngữ "tiếng vợ chồng".

Ví dụ 2:

- Đã đành **quà cho nó**, chỉ một đồng chính là đủ.

Ngoài cách sử dụng phụ ngữ "đã đành", quan hệ nghĩa trong ví dụ cho thấy ở rất nhiều trường hợp, khởi ngữ trở thành "nêu sự tình chung" khi ngôn cảnh cụ thể cho phép lược bỏ những yếu tố trong cấu trúc khởi ngữ liên quan cú pháp tới khởi ngữ. Nếu diễn đạt đầy đủ, ta có:

- Đã đành quà cho nó, chỉ một đồng chính là đủ **để mua**.

Khi đó khởi ngữ không còn là "nêu sự tình chung" mà trở thành "dùng để nhấn mạnh" cho bổ ngữ đối tượng của động từ "mua". Lựa chọn một trong hai chức năng là tùy thuộc ý đồ giao tiếp của người nói.

Ví dụ 3:

- **Nhiều**, không đào đâu ra được, **ít**, dờ miệng càng thêm khốn.

Các từ "nhiều", "ít" ở đây trên thực tế thay thế cho nhóm câu đã được tỉnh lược động từ "ăn nhiều", "ăn ít" hoặc các động từ có nghĩa tương đương. Chủ đề của sự tình thông qua khởi ngữ được nêu theo cấu trúc song đối làm nên tính đối lập trong ý nghĩa của câu. Đây là cách dùng khá phổ biến của loại khởi ngữ "nêu chủ đề của sự tình", có thể nói là một đặc trưng của cách dùng khởi ngữ trong tiếng Việt, đặc biệt là cách sử dụng trong ca dao, tục ngữ.

Ví dụ 4:

- **Còn** cái sự ăn **thì** bà cũng không dám nói chắc đỏi hay no.

- **Còn** đi mời quan viên **thì** cũng là người dưới đi mời người trên một tiếng, không đáng à?

- **Còn** khách sơ sơ **thì** cũng thuốc lá, bánh kẹo, cà phê ...

Cấu trúc lập cách (discontinuity) **còn ... thì** rất thông dụng như một thủ pháp để dẫn một khởi ngữ vào câu và để gắn kết chặt chẽ hơn phần khởi ngữ và phần còn lại trong câu. Chúng ta có thể lược bỏ **còn**, hoặc lược bỏ cả **còn ... thì** phần câu còn lại vẫn đúng ngữ pháp, có chăng là thêm dấu phẩy vào để ngăn cách phần khởi ngữ và phần câu còn lại:

- Còn cái sự ăn, bà cũng không dám chắc rằng đỏi hay no.

Ví dụ 5:

- **Mấy cái mụn**, việc gì phải thuốc.

- **Công việc nhà nước**, biết thế nào là tốt, xấu.

Mối quan hệ ngữ nghĩa giữa phần đi sau và phần khởi ngữ không phải bao giờ cũng là trực tiếp, mà tùy hoàn cảnh giao tiếp, người nghe có thể suy đoán được. Trong các câu trên, "thuốc" là đối tượng cần mua để chữa trị bệnh mụn nhọt, còn "tốt, xấu" là cách mà người ta đánh giá về "công việc nhà nước". Các mối quan hệ này phải đủ gần, đủ tường minh và được cảnh huống giao tiếp hỗ trợ thì khởi ngữ mới có đủ tác dụng "hạn định hiệu lực, giá trị chân xác của sự tình được biểu thị trong câu nói".

Ví dụ 6:

- **Năm trăm bạc**, nguyên một bữa rượu.

- **Thế** tôi lĩnh có hai đồng ...

Khởi ngữ ở đây không chỉ nêu sự tình chung mà còn có giá trị tương đương hoặc ngang bằng với bộ phận đi sau hay một phần của bộ phận đi sau "năm trăm bạc để mua nguyên một bữa rượu" và "thế có giá trị hai đồng".

Ví dụ 7:

- **Giàu** đâu đến kẻ ngu trư

Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày.

- **Giàu** ba mươi tuổi chớ mừng

Khó ba mươi tuổi con đừng vội lo.

Cấu trúc câu ở về sau với sự hiện diện của các từ "đâu", "chớ" có tác dụng phủ ngữ, nói một cách khác khởi ngữ có ý



sự tình, tuy nhiên sự tình này có thể được khẳng định hay phủ định tùy thuộc vào vẻ đăng sau.

2.2. Khởi ngữ có khả năng đảm trách một chức năng cú pháp cụ thể trong câu đi sau

Bên cạnh các khởi ngữ chủ yếu mang ý nghĩa "nêu chủ đề của sự tình", và về mặt cấu trúc cú pháp không tiềm tàng khả năng đảm trách một chức năng cú pháp nào trong cấu trúc khởi thủy, đa số các bộ phận khởi ngữ khác có vai trò nhấn mạnh một thành phần nào đó của câu hoặc của thành phần câu đi sau. Khi đó chúng tiềm ẩn khả năng đảm trách một chức năng cú pháp cụ thể tương ứng trong câu đi sau, đó là các chức năng chính sau: chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ và trạng ngữ. Ở đây có hiện tượng lặp về hình thái và ý nghĩa. Hiện tượng lặp được thể hiện khá đa dạng ở khu vực này.

Trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi đưa ra làm ví dụ một mối quan hệ về chức năng cú pháp gắn với vai trò khởi ngữ khá lí thú, đó là chức năng chủ ngữ.

Khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ

Có thể nói, cùng với khởi ngữ có quan hệ với bổ ngữ của vị từ, khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ là một trong hai loại khởi ngữ phổ biến nhất, có tần suất sử dụng cao nhất trong tiếng Việt. Xét cả về mặt cấu trúc và mặt ngữ nghĩa, khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ có cách dùng phong phú nhất, đa dạng nhất.

Về đặc điểm ngữ pháp từ loại, phần lớn các khởi ngữ đều là các danh từ, một số khác là các đại từ. Phân bổ cụ thể của khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ trên các mẫu thu thập có bộ phận khởi ngữ như sau:

- Tổng số khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ: khoảng 15%
- Khởi ngữ là đại từ nhân xưng: khoảng 16%
- Khởi ngữ là danh từ chỉ người: khoảng 41%
- Khởi ngữ là danh từ riêng; khoảng 18%
- Khởi ngữ là danh từ chỉ vật, con vật: khoảng 25%

Một số ví dụ:

- + Khởi ngữ là đại từ nhân xưng

- Còn **anh**, **anh** chỉ là một thằng hèn.
- Còn **ta**, **ta** sẽ kể hết cho P về chuyện đời, về những đời phi lao Hà Bắc.
- + Khởi ngữ là danh từ chỉ người
- Thương binh chỉ còn lại **mấy người**, nhân viên cũng chỉ còn **mấy người**.
- Còn **đi**, **đi** biết phận đi.
- + Khởi ngữ là danh từ riêng
- Còn **Nhân**, **Nhân** dắt ba đứa nhỏ cùng đi rong phố, nhưng đi ... ăn mày.
- Ông **Bu Sơn**, ông **ấy** trả hết.
- + Khởi ngữ là danh từ chỉ vật, con vật
- Hàng phố, nhà nào nhà nấy đều đổ ra xem.
- **Làng ta**, về cánh nhà ông Trương Huân **ấy**, **họ** đi tất cả.

Về tiêu chí phân loại: Để phân loại về mặt ngữ nghĩa các khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ thành các tiểu loại khác nhau, chúng ta sẽ cơ bản dựa vào các mối quan hệ giữa biểu thức thể hiện với sở biểu và sở chỉ của chúng. Đây là cách phân loại theo **tính chất lặp**. Chúng ta có các trường hợp sau:

Trường hợp thứ nhất: Cả biểu thức thể hiện và sở chỉ/sở biểu của khởi ngữ và chủ ngữ trùng nhau

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lặp trùng**

Ví dụ về **lặp trùng**:

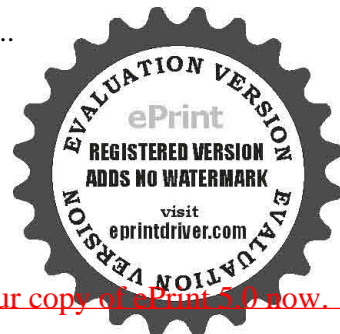
- Còn **em** cũng vậy, **em** ngồi bên chị, đôi mắt buồn mênh mông.
- Với **họ**, **họ** đã làm tròn trách nhiệm của hôm nay.
- Mà **nàng**, **nàng** sẽ tiêu vào những việc chẳng cần cho lắm.

Trường hợp thứ hai: Biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu trùng nhau

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lặp thể**

Ví dụ về **lặp thể**:

- **Phạm Tiến Duật**, **Triệu Bôn** ... đêm nay ở đâu trên tổ quốc.



- Và còn **rất nhiều điều khác nữa**, tôi nhận thấy **chúng** đều diễn ra đúng như ông nói ở trên đất Nga...

- Còn **rủi ro** thì **chuyện đó** ai lường được.

- **Đại hội ngành tổng kết hai năm qua**, mình đã đón chờ **nó** bằng bao nhiêu trông đợi.

- **Bốn mươi xu, món tiền** chỉ mua một đôi son bằng đầu ngón tay.

Trường hợp thứ ba: Biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu của khởi ngữ bao trùm sở chỉ/sở biểu của chủ ngữ đi sau

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lập bộ phận**

Ví dụ về **lập bộ phận**:

- **Cán bộ các chú** bây giờ, **nhiều anh** buồn cười lắm.

- **Đàn ông, chả mấy người** biết thương con cái.

- **Dân Bắc mình** cũng **lắm anh** muốn chơi xe xịn ...

Trường hợp thứ tư: Biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu của chủ ngữ đi sau chia sở chỉ/sở biểu của khởi ngữ thành bộ phận

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lập chia**

Ví dụ về **lập chia**:

- **Đồng đội của T, người** thì đang ngủ, **người** đang nói chuyện.

- Ngoảnh đi ngoảnh lại, chả mấy chốc mà **chúng nó** **đưa** thành thị nhà máy, **đưa** chợ này **đưa** chợ khác, rồi lấy vợ lấy chồng...

- **Lũ trẻ con, đưa** đứng tựa cột nhà, **đưa** nằm còng queo cạnh một xó vách, **đưa** lê la dưới chân bàn thờ...

Trường hợp thứ năm: Biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu của chủ ngữ đi sau nhấn mạnh tính toàn thể có mặt của sở chỉ/sở biểu khởi ngữ

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lập đều khẳng định**

Ví dụ về lập đều khẳng định:

- **Trẻ con, đưa** nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ.

- Nhưng **cái giống chuối**, từ cổ chí kim, **mỗi cây** chỉ sinh được một buồng.

- **Cả vợ lẫn chồng, mặt** nào cũng nhăn nhó như mặt khi.

- **Các học trò của Yên Hoà B, giờ** **mỗi người** mỗi ngả.

Trường hợp thứ sáu: Biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu của chủ ngữ đi sau nhấn mạnh tính toàn thể vắng mặt của sở chỉ/sở biểu khởi ngữ

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lập đều phủ định**

Ví dụ về lập đều phủ định:

- **Các em Nhu cũng như thằng anh Nhu, chẳng** **đưa** nào giống tính Nhu.

- Nhưng trong **những người đi cùng mình** **đêm nay, chẳng có ai** đọc hay ngâm nga một câu thơ nào cả.

- **Hiếu người Việt và thương người Việt** **như bà, có lẽ chẳng ai** như thế đâu.

Trường hợp thứ bảy: Biểu thức thể hiện của chủ ngữ đi sau vắng mặt

Trong trường hợp này, chúng ta có hiện tượng mà chúng tôi gọi là **Lập zéro**

Ví dụ về **lập zéro**:

- Nhưng **những dòng sông** ấy, có bao giờ **phi** cạn được.

- Còn **anh, phi** không chỉ là một thằng hèn ...

- **Rượu khô** à, **phi** ngon bỏ mẹ đi ấy.

Ngoài ra có trường hợp biểu thức thể hiện khác nhau, sở chỉ/sở biểu của chủ ngữ đi sau kết hợp tính toàn thể có mặt và vắng mặt của sở chỉ/sở biểu khởi ngữ vào trong cùng một câu.

Ví dụ:

- **Năm thằng, thằng** nào cũng cho là mình đúng, **không ai** chịu ai.

Trong tiểu loại "**lập đều**", cần chú ý không chỉ phân biệt lập đều khẳng định và lập đều phủ định mà cần lưu ý cách dùng của chủ ngữ sau các khởi ngữ chỉ người và chỉ vật. Từ vựng ở khu vực này tạo thành những danh sách riêng. Ví dụ với hai từ làm khởi ngữ "trẻ" "hàng phố", ta có bảng sau khi xét "**lập**



	Người (Trẻ con)	Vật (Hàng phố)
Khẳng định	- mỗi đứa - đứa nào (cũng) - đứa nào đứa này - tất cả, cả thấy - ...	- đâu, đâu đâu (cũng) - khắp nơi - nhà nào nhà này - nơi nào (cũng) - ...
Phủ định	- chẳng đứa nào - chẳng ai - không một đứa nào - ...	- chẳng đâu - chẳng nơi nào - chẳng nhà nào - ...

Bên cạnh đó, trong tiêu loại "lập chia", chúng ta cũng lưu ý từ vựng làm chủ ngữ đi sau chỉ người và chỉ vật.

Ví dụ:

- Lũ trẻ con, đứa ..., đứa ...

(người) kẻ ..., kẻ ...

thằng ..., thằng ...

- Quần áo, cái ..., cái ...

(vật) chiếc ..., chiếc ...

bộ ..., bộ ...

Mặt khác có những trường hợp khó phân định khởi ngữ có quan hệ với chủ ngữ câu đi sau hay với chủ ngữ của mệnh đề phụ bổ ngữ của câu đi sau.

Ví dụ:

- **Quy luật phủ nhận**, tôi nghĩ **nó** giống như trận đòn thù đê tiện của bọn Đô Thi.

Có hai trường hợp xảy ra. Nếu sau động từ "nghĩ" có dấu phẩy, có nghĩa là "tôi nghĩ" là mệnh đề chêm xen (giải ngữ), thì khởi ngữ rõ ràng có quan hệ với chủ ngữ "nó" trong câu đi sau. Nếu sau động từ "nghĩ" không có dấu phẩy, có nghĩa là phần đi sau là bổ ngữ trực tiếp của động từ, thì "nó" là chủ ngữ của mệnh đề phụ bổ ngữ của câu đi sau và có quan hệ với bộ phận khởi ngữ.

Thành phần khởi ngữ trong câu tiếng Việt có những đặc điểm rất riêng và rất đặc thù so với các ngôn ngữ khác trên thế giới, đòi hỏi phải được bàn bạc sâu hơn, kỹ hơn để làm sáng tỏ bản chất và cách sử dụng của nó trong giao tiếp. Hy vọng bài viết này sẽ nhận được nhiều ý kiến trao đổi rộng rãi từ các nhà nghiên cứu, tác giả xin chân thành cảm tạ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Kim Thán, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [2] Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp Việt Nam - phần Câu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
- [3] Hoàng Trọng Phiến, *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu*, NXB ĐHTHCN, Hà Nội, 1980.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1998.



Thematic element in the Vietnamese sentence systematically considered

Nguyen Lan Trung

*College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi,
Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Vietnamese syntax is an important branch in Vietnamese Linguistics. It is an interesting but very complicated area in which researches on sentence elements in Vietnamese play an important role.

This article is focused on the thematic sentence element in Vietnamese which, in the author's view, is typical of Vietnamese. What is to be focused on here is the status of this element in the language as a system of signs, criteria for distinguishing between different types of the element in question.

Possible characteristics of thematic element considered from the functional perspective will be dealt with in future works intended to be conducted by the author.

